

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HSST
Ngày 25 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và Ông Lê Văn Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Tường.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên
tòa:*** Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện
V, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
11/2019/HSST ngày 27/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
19/2019/QĐXXST - HS ngày 22/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
02/2019/HSST - QĐ ngày 03/4/2019 đối với bị cáo:

Lê Quốc H, sinh ngày 30/6/1994. Nơi cư trú: thôn T xã Tuân C, huyện V,
tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc:
Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà
Trần Thị B, sinh năm 1973; vợ, con chưa có. hiện mẹ ở xã Tuân C, huyện V;
Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

Người bị hại: Trần Thị Lan H, sinh năm 1986. (có mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn M, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Bà Trịnh Thị Kh, sinh năm 1964.(vắng mặt)

Bà Trần Thị B, sinh năm 1973.(vắng mặt)

Đều trú tại: thôn T xã Tuân C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị Lê Thị H, sinh năm 1996.

Trú tại xã Lý N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 20 giờ ngày
31/7/2018, Lê Quốc H trú tại thôn T xã Tuân C, huyện V, đi bộ một mình đến
nhà chị Trần Thị Lan H ở cùng thôn với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi H
đem theo 01 chiếc búa đinh bằng kim loại và 01 chiếc tua vít chuôi màu vàng
dùng làm công cụ để đột nhập vào trong nhà chị H. Đến nơi H thấy nhà chị H

đóng cửa cuốn bên ngoài, tiếp giáp nhà chị H là căn nhà đang xây dựng không có cửa cổng của gia đình ông Trương Văn Đ cùng thôn không có ai trông nom. H đi theo cầu thang lên tầng thượng nhà ông Đ rồi dùng tay bám và dùng chân trèo sang hiên tầng 4 của nhà chị H. Tại đây H dùng tua vít tháo các ốc vít bên ngoài của cánh cửa tôn đi vào trong phòng thờ tầng 4 của gia đình chị H. Sau khi tháo được các ốc vít, H dùng đầu búa đinh luồn vào vị trí tiếp giáp then cài cửa bên trong, dùng tay phải cầm cán búa bênh tằm tôn tạo thành khe hở rộng hơn rồi dùng tay trái thò vào bên trong gạt then cài cửa và mở cửa đi vào trong nhà chị H. H đi xuống tầng 1 nhà chị H là nơi bán hàng tạp hóa và nhìn thấy tại giáp tường có để 01 chiếc hòm gỗ kích thước (0,48x0,34x0,15)m và có khóa treo bên ngoài nên đi đến dùng tua vít cạy khóa hòm làm khóa hòm bung ra. Sau đó, H ôm chiếc hòm lên tầng 2 kiểm tra bên trong thì thấy có tiền để trong hòm và một số thẻ cào điện thoại các loại để trong một túi nylon. H lấy tiền để vào trong túi nylon đựng thẻ cào điện thoại rồi cầm sổ tài sản này theo và tiếp tục vào trong phòng ngủ tầng 2 của chị H để lục tìm tài sản. Khi vào trong phòng ngủ, H thấy có 01 chiếc hòm sắt kích thước (0,32x0,27x0,35)m có khóa ngoài kê giáp đầu giường nên tiếp tục dùng tua vít cạy bung khóa rồi mở hòm sắt ra thì thấy bên trong cũng để tiền và một số thẻ cào điện thoại. H lấy toàn bộ số tiền và thẻ cào điện thoại trong hòm sắt để vào túi nylon có tiền và thẻ cào điện thoại vừa cầm theo rồi móc khóa lại và đi lên tầng 4 ra ngoài hiên. Khi ra ngoài hiên tầng 4, H cài lại then cửa và vặn lại các ốc vít vào cửa tôn như cũ rồi tẩu thoát theo hướng đã đột nhập vào. Sau đó, H đi về nhà và kiểm tra sổ tài sản đã trộm cắp được của chị H thì đếm được số tiền là 4.750.000đ và nhiều thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel và Vinaphone có các mệnh giá 20.000đ, 50.000đ, 100.000đ và 500.000đ.

Đến rạng sáng ngày 02/9/2018, H tiếp tục cầm theo búa và tua vít đột nhập vào gia đình nhà chị H như ngày 31/7/2018 nêu trên để trộm cắp tài sản nhưng khi chưa trộm cắp được tài sản gì thì bị ông Lê Văn M và bà Trịnh Thị Kh là bố, mẹ chồng của chị H phát hiện. Do bị phát hiện nên H đã dùng búa đinh đánh gây thương tích cho ông M và bà Kh để tẩu thoát. Ông M có sử dụng 01 thanh kim loại hình hộp cạnh vuông, bên trong rỗng, dài 96cm, mỗi cạnh vuông dài 2,1cm, còn bà Kh sử dụng 01 đoạn gậy gỗ có chiều dài 01m, đường kính 6,5cm để chống trả. Hậu quả: bà Kh và ông M phải đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc và Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội; H bị xây sát da không phải đi điều trị.

Ngày 31/7/2018 gia đình chị H phát hiện bị mất trộm như đã nêu trên nhưng do không xác định được hướng đột nhập của kẻ gian nên gia đình chị H đã không có đơn trình báo đến cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày 02/9/2018, sau khi phát hiện được H đột nhập vào nhà để trộm cắp thì gia đình chị H đã có đơn trình báo đến Công an xã Tuấn C và nghi ngờ H đã trộm cắp tài sản của gia đình chị vào ngày 31/7/2018. Công an xã Tuấn C đã báo cáo Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, đã thu giữ tại hiện trường: 01 chiếc búa đinh bằng kim loại; 01 chiếc tua vít 04 cạnh; 01 thanh kim loại hình hộp cạnh vuông; 01 đoạn gậy gỗ có đặc điểm như đã nêu trên; 02 chiếc khóa “VIETTIEP” màu đen đã bị hư hỏng và một số mẫu máu. Tiến hành triệu tập H ra Cơ quan điều tra làm việc và tổ chức thực nghiệm điều tra theo quy định của pháp luật. Kết quả thực nghiệm: H đã diễn tả lại toàn bộ hành vi thực hiện trộm cắp tài sản vào ngày 31/7/2018 như đã nêu, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Quá trình điều tra xác định, số thẻ cào trộm cắp được H đã đưa 100 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ, 200 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ và 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ cho em gái H là Lê Thị H, trú tại xã Lý N, huyện V để nhờ H bán hộ (tổng trị giá thẻ H đưa cho H bán hộ là 14.500.000đ). Do không biết số thẻ cào này là của H trộm cắp mà có nên H đồng ý bán hộ H và đã đem bán 44 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ, 150 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ và 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ cho nhiều người dân được số tiền 10.880.000đ. Số tiền này, H đã đưa trước cho H 5.400.000đ và vẫn giữ lại 5.480.000đ. Số thẻ cào còn lại thì một số thẻ cào H đã đem bán, đổi để chơi game (H để một số thẻ đã cào mã sử dụng tại nhà mình, một số thẻ đã cào mã sử dụng thì H đã vứt bỏ) và 98 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ chưa cào mã sử dụng H để tại nhà.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà H các thẻ cào điện thoại gồm: 872 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ đã cào mã sử dụng, 04 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ đã cào mã sử dụng, 12 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ đã cào mã sử dụng và 98 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ còn nguyên vẹn; thu giữ của Lê Thị H: 56 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ còn nguyên vẹn, 50 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ còn nguyên vẹn và 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ đã cào mã sử dụng cùng số tiền 5.480.000đ là một phần số tiền do H bán số thẻ cào H đưa cho mà có.

Đối với số tiền 5.400.000đ H đưa cho H trước đó cùng số tiền 4.750.000đ H đã trộm cắp được của chị H. H đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 01/01/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện V định giá tài sản số thẻ cào do H trộm cắp thu hồi được gồm: 1.070 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ, 204 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ, 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ, 12 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ, cụ thể:

- 154 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ còn nguyên vẹn chưa qua sử dụng; 50 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ còn nguyên vẹn chưa qua sử dụng.

- 872 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ đã sử dụng; 06 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ đã sử dụng; 12 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ đã sử dụng.

- 44 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ, 148 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ và 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ do H đã bán không thu hồi được.

Ngày 15/01/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện V đã kết luận số: 05/KL – HĐĐG xác định tổng số thẻ cào trên có giá trị là 32.966.400đ, cụ thể: 1.070 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ có giá 20.544.000đ; 204 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ có giá 9.792.000đ; 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ có giá 2.400.000đ và 12 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ có giá 230.400đ.

Tại cơ quan điều tra, H khai số thẻ điện thoại trộm cắp được gồm nhiều loại mệnh giá thẻ khác nhau của hai nhà mạng Viettel và Vinaphone (gồm các thẻ mệnh giá 20.000đ, 50.000đ, 100.000đ, 500.000đ) với tổng giá trị khoảng 40.000.000đ nhưng H không nhớ được số lượng cụ thể từng loại mệnh giá. Một số thẻ cào H đưa cho H nhờ bán hộ như đã nêu trên, còn một số thẻ cào H đã cào, sau đó chuyển mã số thẻ cho một người không quen biết qua Facebook đổi thành tiền trong game “Phong Thần” để chơi (một số thẻ đã cào mã sử dụng H để tại nhà, còn một số thì H đã vứt nhưng không nhớ vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được). Đến nay, H không nhớ được tên truy cập, mật khẩu của tài khoản game “Phong Thần” và facebook cá nhân của H, cũng như tên nick facebook của người H đã chuyển mã số thẻ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định cụ thể số thẻ cào H đã cào sử dụng để nạp chơi game. Cơ quan điều tra đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V để định giá tài sản đối với số thẻ cào H đã trộm cắp được theo như lời khai của H. Ngày 22/01/2019, Hội đồng định giá có công văn trả lời: “Tại thời điểm định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không có đủ căn cứ để xác định giá trị thẻ cào điện thoại của 02 nhà mạng Viettel và Vinaphone gồm nhiều loại mệnh giá khác nhau nêu trên với lý do sau: Không có chi tiết số lượng của từng loại mệnh giá, không có hóa đơn giấy tờ về nguồn gốc tài sản”.

Đối với chị Trần Thị Lan H, quá trình làm việc khai báo tổng số thẻ cào bị mất đều của hai mạng Viettel và Vinaphone (gồm các thẻ mệnh giá 20.000đ, 50.000đ, 100.000đ, 500.000đ) có tổng giá trị quy đổi thành tiền khoảng 90.000.000đ. Tuy nhiên, chị H không cung cấp được hóa đơn, giấy tờ cụ thể về số lượng thẻ này và cho biết số thẻ điện thoại này sau khi nhập về không ghi lại số seri mà đem bán luôn cho khách hàng nên chị H cũng không cung cấp được chính xác số thẻ điện thoại đã bị mất. Cơ quan điều tra đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V để định giá tài sản đối với số thẻ cào H đã trộm cắp được theo như lời khai của chị H. Ngày 21/01/2019, Hội đồng định giá có công văn trả lời: “Tại thời điểm định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không có đủ căn cứ để xác định giá trị thẻ cào điện thoại của 02 nhà mạng Viettel và Vinaphone gồm nhiều loại mệnh giá khác nhau nêu trên với lý do sau: Không có chi tiết số lượng của từng loại mệnh giá, không có hóa đơn giấy tờ về nguồn gốc tài sản”.

Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện V chỉ có căn cứ xác định số lượng thẻ cào của chị H bị H trộm cắp gồm: 1070 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ,

204 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ, 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ và 12 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ có tổng giá trị là: 32.966.400đ.

Ngày 02/9/2018, H có hành vi đột nhập vào gia đình chị H để trộm cắp tài sản nhưng chưa kịp trộm cắp tài sản gì thì bị phát hiện. Khi bị phát hiện thì H có hành vi chống trả để chạy thoát. Do H chưa trộm cắp được tài sản gì của gia đình chị H, đồng thời bản thân H chưa có tiền án, tiền sự gì nên hành vi này của H không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp. Hành vi H dùng búa đinh đánh gây thương tích cho bà Trương Thị Kh và ông Lê Văn M, do bà Kh và ông M đều từ chối giám định thương tích, không đề nghị xử lý H về hành vi gây thương tích và không yêu cầu H phải bồi thường gì. Nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không có căn cứ xác định tổn hại sức khỏe của bà Kh và ông M. Do đó, hành vi này của H không cấu thành tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT - VKSVT ngày 26/02/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Lê Quốc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V luận tội đối với bị cáo H giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Phạt Lê Quốc H từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự và xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối hận, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Quốc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng 20 giờ ngày 31/7/2018 tại gia đình chị Trần Thị Lan H ở thôn Táo xã Tuân C, huyện V, bị cáo đã trộm cắp tiền và thẻ cào điện thoại có tổng trị giá là 37.716.400đ. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai và bản kiểm điểm của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập đúng theo trình tự của Bộ luật hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Hương. Tổng giá trị tài sản là 37.716.400đ vào khoảng 20 giờ ngày 31/7/2018, hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Do đó bản cáo trạng số: 16/CT - VKSVT ngày 26/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố bị cáo Lê Quốc H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và dẫn dắt những người khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Đối chiếu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xử phạt tù cách ly bị cáo một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, luôn có ý thức chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định không có tài sản, sống phụ thuộc gia đình, không có công việc và thu nhập

ổn định, gia đình bị cáo là hộ nghèo, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Thị H là người bán hộ số thẻ điện thoại do H trộm cắp mà có và những người đã mua thẻ cào điện thoại của H không biết là tài sản do H trộm cắp và người đã mua các thẻ điện thoại của H qua mạng xã hội Facebook rồi chuyển thành tiền trong game cho H chơi điện tử, quá trình điều tra cơ quan điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 5.480.000đ cùng số thẻ cào còn nguyên gồm 154 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ và 50 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ, do H đã trộm cắp của chị H, ngày 24/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V trả lại cho chị H. Số tài sản còn lại do H trộm cắp không thu hồi được, đến nay H chưa bồi thường cho chị H nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị H và H đã tự thống nhất thỏa thuận với nhau về việc bồi thường. Tại phiên tòa chị H không đề nghị giải quyết về việc yêu cầu H phải bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[6] Về vật chứng: Các thẻ cào đã cào mã sử dụng gồm: 872 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ; 06 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ; 12 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ là những tài sản H đã trộm cắp được của chị H đều không còn giá trị sử dụng; 01 chiếc búa đinh bằng kim loại có tổng chiều dài 40cm; 01 chiếc Tua vít 4 cạnh có chiều dài 20,5cm, chuôi màu vàng; 01 thanh kim loại hình hộp cạnh vuông, bên trong rỗng, dài 96cm, mỗi cạnh vuông dài 2,1cm cùng 01 đoạn gậy gỗ có chiều dài 01m, đường kính 6,5cm; 01 chiếc phong bì bên trong chứa một số mẫu máu và 02 chiếc khóa “VIETTIEP” màu đen đã bị hư hỏng khi H cạy hòm để trộm cắp tài sản là tài sản của chị H. Do không còn giá trị sử dụng chị H không yêu cầu nhận lại và cũng không yêu cầu H phải bồi thường nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Lê Quốc H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng và án phí: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu tiêu hủy 872 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ; 06 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ; 12 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ các thẻ cào đã cào mã sử dụng; 01 chiếc búa đinh bằng kim loại có chiều dài 40cm; 01 chiếc Tua vít 4 cạnh có chiều dài 20,5cm, chuôi màu vàng; 01 thanh kim loại hình hộp cạnh vuông, bên trong rỗng dài 96cm; 01 đoạn gậy gỗ có chiều dài 01m, đường kính 6,5cm và 01 phong bì trong có chứa một số mẫu máu và 02 chiếc khóa “VIETTIEP” màu đen đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng (có đặc điểm kích thước như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường ngày 28/3/2019).

3. Án phí: Buộc bị cáo Lê Quốc H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt./

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Công an huyện V;
- UBND xã Tuấn C;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hs; Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kiên Thành

